

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Trang bị đầy đủ kiến thức về chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý, các quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*) của Trung ương, của tỉnh nhằm nâng cao năng lực triển khai đồng bộ Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển mạnh từ đào tạo lý thuyết sang nâng cao năng lực thực hành; gắn nội dung tập huấn với yêu cầu thực tiễn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai tại cơ sở.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở có đủ năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện Chương trình đáp ứng yêu cầu giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

- Nội dung bồi dưỡng, tập huấn bám sát Khung chương trình của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh Gia Lai; nội dung bồi dưỡng, tập huấn cần lựa chọn trọng tâm, thiết thực, phù hợp với thời lượng, năng lực tiếp nhận và nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm đối tượng; tránh dàn trải, trùng lặp, hình thức.

- Kết hợp giữa lý thuyết, trao đổi kinh nghiệm, thảo luận nhóm, xử lý tình huống và khảo sát thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực, nhận thức, kỹ năng quản lý, điều hành, tham mưu, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá, truyền thông và chuyển đổi tư duy cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (*sau đây gọi tắt là cán bộ thôn*), cộng đồng dân cư và các chủ thể có liên quan để triển khai hiệu quả Chương trình.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Ít nhất 95% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình; 100% trưởng thôn, thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng được tập huấn về quy trình tham gia thực hiện Chương trình, giám sát đầu tư, truyền thông và huy động cộng đồng.

- Ít nhất 65% số xã tổ chức định kỳ các khóa tập huấn trực tiếp, đào tạo tại chỗ cho người dân nông thôn về các nội dung của Chương trình; tư duy phát triển nông thôn hiện đại, kinh tế đa giá trị, tự chủ sinh kế và quản trị cộng đồng.

III. ĐỐI TƯỢNG BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN

1. Nhóm cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, cán bộ thôn và các lực lượng tham gia thực hiện Chương trình tại cơ sở

- Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được giao nhiệm vụ tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, giám sát, truyền thông và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.

- Cán bộ thuộc Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; các tổ chức, lực lượng được giao hoặc tham gia thực hiện Chương trình tại cơ sở.

- Bí thư Chi bộ thôn, trưởng thôn; thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng; trưởng Ban công tác Mặt trận; trưởng chi hội, đoàn thể ở thôn; nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng, thanh niên khởi nghiệp, tuyên truyền viên, cộng tác viên, tổ khuyến nông cộng đồng và các lực lượng nòng cốt ở cơ sở.

- Đại diện hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác, chủ trang trại, nông dân tiêu biểu, chủ thể OCOP; các cá nhân, tổ chức khác có nhu cầu (*doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội,...*).

2. Nhóm cộng đồng dân cư và người dân

Người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và các chủ thể khác có liên quan trên địa bàn thực hiện Chương trình; ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người có uy tín, nhóm dễ bị tổn thương tại các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

IV. NỘI DUNG KHUNG CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN

Trên cơ sở Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn ban hành tại Quyết định số 2679/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và điều kiện thực tế của tỉnh; Khung chương trình bồi dưỡng, tập huấn của tỉnh gồm 03 nhóm nội dung với 33 chuyên đề. Danh mục các chuyên đề là căn cứ để xây dựng tài liệu khung, tài liệu chuyên đề, thiết kế các khóa bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn, thời lượng và hình thức tổ chức. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ, nhóm đối tượng và điều kiện nguồn lực để lựa chọn, cụ thể hóa, cập nhật, bổ sung nội dung bồi dưỡng, tập huấn phù hợp; bảo đảm thống nhất với mục tiêu, nội dung và quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình. Các nhóm chuyên đề và chuyên đề cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

V. THỜI LƯỢNG, HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN

1. Thời lượng tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

- Thời lượng mỗi lớp bồi dưỡng, tập huấn, do cơ quan chủ trì tổ chức quyết định cụ thể, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nội dung, nhóm đối tượng, điều kiện thực tế và nguồn lực thực hiện.

- Đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn tổng hợp về Chương trình, cơ quan chủ trì tổ chức căn cứ mục tiêu, nội dung và nhóm đối tượng để bố trí thời lượng phù hợp (*từ 1,5 ngày trở lên*); sử dụng ít nhất 01 chuyên đề cụ thể trong mỗi nhóm chuyên đề tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này; khuyến khích bố trí đủ thời lượng cho thảo luận, thực hành, bài tập tình huống, khảo sát thực tế hoặc trao đổi kinh nghiệm.

- Đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu, lớp cập nhật văn bản, lớp kỹ năng hoặc lớp hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể, thời lượng có thể linh hoạt theo yêu cầu chuyên môn và điều kiện tổ chức; bảo đảm phù hợp với điều kiện tham gia của cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm, cán bộ thôn và các nhóm đối tượng được bồi dưỡng, tập huấn. Các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu có thể sử dụng chuyên đề ngoài Khung chương trình, nhưng phải trong phạm vi nội dung chính của chuyên đề liên quan tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

2. Hình thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

- Bồi dưỡng, tập huấn trực tiếp.
- Bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.
- Bồi dưỡng, tập huấn kết hợp trực tiếp và trực tuyến.
- Tập huấn giảng viên nguồn, báo cáo viên nòng cốt, cán bộ, công chức, viên chức đầu mối cấp tỉnh, cấp xã theo phương thức ToT để nhân rộng công tác bồi dưỡng, tập huấn tại địa phương.
- Tọa đàm, hội thảo, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, lớp cập nhật chuyên đề.
- Tập huấn tại chỗ, hướng dẫn thực hành, “cầm tay chỉ việc” tại xã, thôn, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, mô hình sản xuất, kinh doanh, mô hình giảm nghèo, mô hình xây dựng nông thôn mới.

- Tham quan, học tập kinh nghiệm, khảo sát thực tế trong và ngoài tỉnh.
- Xây dựng học liệu điện tử, video bài giảng, tủ sách điện tử, nền tảng chia sẻ tài liệu và mô hình tự học có hướng dẫn.

3. Phương pháp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

- Kết hợp trình bày chuyên đề với thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành biểu mẫu, phân tích ví dụ thực tiễn và trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

- Tăng cường phương pháp tập huấn có sự tham gia, lấy người học làm trung tâm; chú trọng các bài tập thực hành về lập kế hoạch, theo dõi - đánh giá, rà soát tiêu chí, chuẩn bị hồ sơ minh chứng, tính toán thu nhập, rà soát hộ nghèo, giám sát cộng đồng, truyền thông và vận động người dân.

- Việc thiết kế khóa bồi dưỡng, tập huấn cần thực hiện theo hướng phân tầng, phân nhóm đối tượng và vị trí việc làm; tách biệt rõ giữa nhóm cán bộ, công chức, viên chức tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện ở cấp xã; nhóm cán bộ thôn, Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng; nhóm cộng đồng dân cư, người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan. Nội dung tập huấn cần lựa chọn trọng tâm, thiết thực, phù hợp với thời lượng, năng lực tiếp nhận và nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm đối tượng; tránh dàn trải, trùng lặp, hình thức.

- Nội dung bồi dưỡng, tập huấn cần chuyển mạnh từ truyền đạt kiến thức sang phát triển năng lực thực hành gắn với tình huống thực tế, biểu mẫu, quy trình, hồ sơ minh chứng, mô hình điển hình và các vấn đề cụ thể phát sinh tại cơ sở.

- Đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cộng đồng và người dân, cần giảm thời lượng truyền đạt một chiều, tăng thời lượng trao đổi, thảo luận, thực hành, chia sẻ kinh nghiệm và tham quan mô hình. Nội dung bồi dưỡng, tập huấn cần gắn với nhu cầu cụ thể của người dân, cộng đồng, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ thể sản xuất, kinh doanh; tập trung vào chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn đa giá trị, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững và quản trị cộng đồng.

- Lựa chọn giảng viên, báo cáo viên có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng sư phạm và khả năng hướng dẫn thực hành; chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên nguồn, báo cáo viên nòng cốt ở cấp tỉnh và cấp xã.

- Đối với các chuyên đề nghiệp vụ có yêu cầu kỹ thuật cao, cơ quan chủ trì tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cần phối hợp với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để bảo đảm tính chính xác, thống nhất và cập nhật.

- Việc đánh giá kết quả bồi dưỡng, tập huấn cần thực hiện theo hướng thực chất, không chỉ dựa trên số lượng lớp, số lượt học viên tham gia, mà cần xem xét mức độ tiếp thu, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào nhiệm vụ được giao và phản hồi của người học. Khuyến khích áp dụng khảo sát trước và sau bồi dưỡng, tập huấn, bài tập thực hành, đánh giá cuối khóa, theo dõi việc áp dụng sau tập huấn và tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh để cập nhật nội dung, phương pháp trong các khóa tiếp theo.

VI. TÀI LIỆU VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN

1. Xây dựng, cập nhật, sử dụng tài liệu bồi dưỡng, tập huấn

- Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn gồm tài liệu khung và tài liệu chuyên đề do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trên cơ sở tài liệu Khung chương trình do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành, văn bản hướng dẫn chuyên ngành, tình hình thực tiễn của tỉnh và đặc thù của từng nhóm đối tượng để xây dựng tài liệu bồi dưỡng, tập huấn Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cần xác định rõ đối tượng sử dụng, mục tiêu học tập, nội dung trọng tâm, phương pháp tổ chức, yêu cầu thực hành, tài liệu tham khảo, câu hỏi thảo luận, bài tập tình huống và hướng dẫn áp dụng sau tập huấn.

- Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cần được thiết kế theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ cập nhật, có tính thực hành cao; tách biệt giữa tài liệu dùng cho cán bộ, công chức, viên chức quản lý, tài liệu dùng cho giảng viên, tài liệu hướng dẫn thực hành ở cấp xã, thôn và tài liệu truyền thông/tập huấn cho cộng đồng, người dân.

- Cập nhật tài liệu bồi dưỡng, tập huấn

+ Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi về văn bản, chính sách, nội dung Chương trình, Bộ tiêu chí về nông thôn mới, chuẩn nghèo đa chiều, quy định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, quy định về phân bổ ngân sách, quy trình xét, công nhận, biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ và các hướng dẫn chuyên ngành có liên quan.

+ Khuyến khích bổ sung ví dụ thực tiễn, mô hình hay, tình huống điển hình, hình ảnh minh họa, bản đồ, biểu mẫu, dữ liệu địa phương để phù hợp với điều kiện thực tế và nâng cao hiệu quả bồi dưỡng, tập huấn.

- Thực hiện số hóa tài liệu, xây dựng học liệu điện tử, video bài giảng, câu hỏi thường gặp, tình huống thực hành, thư viện/tủ sách điện tử phục vụ tự học, tra cứu và chia sẻ tài liệu thống nhất trong hệ thống thực hiện Chương trình.

- Tài liệu do các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh xây dựng, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, kịp thời chia sẻ, phổ biến rộng rãi trong hệ thống thực hiện Chương trình và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn

- Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh có nhu cầu tổ chức bồi dưỡng, tập huấn thuộc Chương trình tổ chức thực hiện xây dựng, phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch hằng năm theo chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và điều kiện thực tế.

- Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cần xác định rõ phạm vi, mục tiêu, nội dung, đối tượng, hình thức tổ chức, thời gian, kinh phí, trách nhiệm thực hiện, phương thức đánh giá kết quả và chế độ báo cáo.

- Việc xây dựng kế hoạch cần căn cứ nhu cầu thực tế của từng nhóm đối

tượng, ưu tiên cán bộ, công chức, viên chức mới, kiêm nhiệm cấp xã, thôn, cộng đồng dân cư ở các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

- Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn sau khi được phê duyệt của các cơ quan, đơn vị, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Cơ quan thường trực Chương trình*) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn theo Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước giao các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh và địa phương thực hiện Chương trình hằng năm theo phân cấp quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định có liên quan; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi, mức chi, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn theo Kế hoạch này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh được phân công phụ trách các nội dung thành phần thuộc Hợp phần thứ nhất của Chương trình; phân công phụ trách các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai cụ thể hóa tài liệu, bài giảng, biểu mẫu, tình huống thực hành theo Chương trình khung tại Kế hoạch này, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên tập huấn cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn hằng năm thuộc chuyên đề Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, rà soát hộ nghèo và quản lý dữ liệu giảm nghèo giai đoạn 2026-2030; các chuyên đề thuộc Hợp phần thứ nhất của Chương trình; các chuyên đề thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác bồi dưỡng, tập huấn trên địa bàn, bao gồm kế hoạch, tài liệu, số lượng lớp, nhóm đối tượng, số lượt học viên, giảng viên, hình thức tổ chức, kết quả đánh giá và phản hồi sau tập huấn.

- Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, hoàn thành tài liệu chuyên đề đã xây dựng, cập nhật trong năm (*nếu có*) và báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn thuộc Chương trình, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*qua Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia*) và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh được phân công phụ trách các nội dung thành phần thuộc Hợp phần thứ hai của Chương trình cụ thể hóa tài liệu, bài giảng, biểu mẫu, tình huống thực hành theo Chương trình khung tại Kế hoạch này, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên tập huấn cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn hằng năm thuộc chuyên đề Hợp phần thứ hai của Chương trình.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác bồi dưỡng, tập huấn trên địa bàn, bao gồm kế hoạch, tài liệu, số lượng lớp, nhóm đối tượng, số lượt học viên, giảng viên, hình thức tổ chức, kết quả đánh giá và phản hồi sau tập huấn.

- Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, hoàn thành tài liệu chuyên đề đã xây dựng, cập nhật trong năm (nếu có) và báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn thuộc Hợp phần thứ hai của Chương trình, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung của Chương trình gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phụ trách các nội dung thành phần thuộc Chương trình, các tiêu chí nông thôn mới chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo cụ thể hóa tài liệu, bài giảng, biểu mẫu, tình huống thực hành theo Chương trình khung tại Kế hoạch này.

- Trong trường hợp có nhu cầu, chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn theo quy định tại khoản 2 Mục VI Kế hoạch này và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề theo lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tiễn, khả năng cân đối nguồn lực, chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định.

- Cử giảng viên, báo cáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn; phối hợp hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình tại các địa phương.

- Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, hoàn thành tài liệu chuyên đề đã xây dựng, cập nhật trong năm (nếu có) và báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung của Chương trình gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Rà soát nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn của cán bộ, công chức, viên chức xã, cán bộ thôn, Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và người dân trên địa bàn.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức, đại diện thôn, cộng đồng dân cư và các chủ thể có liên quan tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; gắn kết quả tập huấn với thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới,

giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở cơ sở.

- Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu, biểu mẫu, hồ sơ phục vụ thực hành, theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác bồi dưỡng, tập huấn và thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tập huấn tại chỗ, trao đổi kinh nghiệm, tham quan mô hình, hướng dẫn thực hành cho người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ thể sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Văn Phòng ĐPTW CTMTQG;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở: NNMT, DTTG, TC;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVPNN;
- Lưu: VT, C4, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp